

Bản án số: 134/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 19 – 12 - 2022

V/v tranh chấp: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Thu Trang

Ông Lê Hoàng Nam

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Long Hồ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Ngày 19 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 330/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp hôn nhân và gia đình: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 163/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Phan Thị Đ, sinh năm: 1975 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp S, xã T, huyện B, tỉnh T.

- Bị đơn: Trần Văn D, sinh năm: 1969 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 5 G, xã T, huyện B, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/5/2022, nguyên đơn bà Phan Thị Đ trình bày:

Bà và ông Trần Văn D kết hôn năm 1995, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh T. Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc đến tháng 5 năm 1997 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm và vợ chồng ly thân không hàn gắn được tình cảm. Quá trình

chung sống bà và ông D có với nhau 01 con chung Trần Vũ K, sinh ngày: 26/10/1995, đã thành niên. Tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bà Phan Thị Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Được ly hôn với ông Trần Văn D.
- Về con chung: 01 con chung đã thành niên không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tài sản chung, nợ chung: Bà Đ khai không có.

Bà Phan Thị Đ có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt (Hòa giải, xét xử vắng mặt) đề ngày 10/8/2022.

* Bị đơn ông Trần Văn D các lần Tòa án triệu tập hòa giải đều vắng mặt nên không có lời khai. Ông D có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 21/11/2022.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

Bà Phan Thị Đ, ông Trần Văn D có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 10/8/2022, 21/11/2022. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Đ, ông D là phù hợp, đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Phan Thị Đ và ông Trần Văn D kết hôn năm 1995, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh T, phù hợp quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo bà Đ trình bày là do vợ chồng bất đồng quan điểm và cả hai không thể chung sống, vợ chồng ly thân, mỗi người sống riêng, không hàn gắn được tình cảm đến nay. Bà Đ vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với ông D. Ông D không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu ly hôn của bà Đ. Điều đó chứng tỏ hôn nhân giữa bà Đ và ông D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt

được. Xét thấy, yêu cầu ly hôn của bà Đ đối với ông D là có căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung:

Bà Phan Thị Đ khai vợ chồng ông bà chung sống có với nhau 01 con chung Trần Vũ K, sinh ngày: 26/10/1995, đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[3] Tài sản chung, nợ chung:

Đơn khởi kiện bà Đ khai không có nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[4] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bà Phan Thị Đ phải chịu theo luật định là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà Phan Thị Đ.
2. Bà Phan Thị Đ được ly hôn với ông Trần Văn D.
3. Về con chung: 01 con chung của bà Phan Thị Đ và ông Trần Văn D đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xét đến.
4. Tài sản chung, nợ chung: Đơn khởi kiện bà Phan Thị Đ khai không có nên Hội đồng xét xử không xét đến.

5. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Bà Phan Thị Đ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0008713 ngày 22/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre, bà Đ đã nộp đủ án phí.

Bà Phan Thị Đ và ông Trần Văn D có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
(Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và THA)
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THA dân sự huyện Bình Đại;
- UBND xã T (Số 02, quyền số 01/96);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Hồng Phương